

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAKRÔNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/ DS-ST

Ngày: 05/4/2021;

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAKRÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Văn Vĩnh My**

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Lê Anh Tuyên**

+ Ông **Nguyễn Văn Thuận**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Hồ Văn Linh**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đakrông;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thương** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST-DS ngày 19/3/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị Xuân L** – sinh năm: 1969

2. *Bị đơn:* Chị **Lê Kiều D** – sinh năm: 1997

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Trịnh Thành C** – sinh năm : 1995

Các đương sự đều có nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2020 và trình bày của nguyên đơn bà Bùi Thị Xuân L tại các phiên hòa giải và phiên tòa:

Ngày 24/12/2019 chị Lê Kiều D vợ anh Trịnh Thành C là con dâu của anh Trịnh Văn T và bà Bùi Thị H gọi tôi (L) là Gì ruột bên chồng, có đến nhà gặp tôi

đặt vấn đề vay tiền và viết giấy vay số tiền 300 triệu đồng, không lãi, để mua nhà tại thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Hẹn ngày 20/9/2020 trả số tiền 300 triệu đồng cho tôi (L), đến hạn trả số tiền vay nói trên chị D không trả, tôi đã nhiều lần yêu cầu chị Lê Kiều D trả số tiền vay 300 triệu nhưng chị D không chịu trả.

Ngày 30/10/2020 bà L nộp đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Đakrông yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị Lê Kiều D phải trả khoản tiền gốc 300 triệu đồng đã vay cho tôi (L) và không yêu cầu tính lãi.

-Trình bày của bị đơn Lê Kiều D:

Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần chị D thừa nhận việc có vay bà Bùi Thị Xuân L 300 triệu đồng sử dụng vào việc mua nhà anh Lý Huy Thịnh và chị Nguyễn Thị Thu Huyền, tại khu dân cư Bắc Nguyễn Huệ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị của hai vợ chồng. Yêu cầu Tòa án chia đôi số tiền 300 triệu đồng vay của bà Lan để chị D và anh C mỗi người có trách nhiệm trả cho bà L 150 triệu đồng.

-Trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Thành C:

Việc chị Lê Kiều D vay 300 triệu đồng tại bà Bùi Thị Xuân L không có sự trao đổi, bàn bạc gì với tôi (C) và việc chị D sử dụng số tiền 300 triệu đồng này vào mục đích gì tôi (C) hoàn toàn không biết. Đối với việc mua nhà của anh Lý Huy Thịnh và chị Nguyễn Thị Thu Huyền, tại khu dân cư Bắc Nguyễn Huệ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, tôi (C) và chị D có ký hợp đồng với anh Thịnh, chị Huyền thỏa thuận mua nhà với giá 4,5 tỷ đồng, tiền đặt cọc là 500 triệu đồng, sau 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, đặt cọc thì hai bên tiến hành thực hiện việc trả tiền và làm thủ tục công chứng chuyển giao nhà. Nhưng sau đó chúng tôi không thực hiện việc mua nhà, vi phạm hợp đồng đã bị phạt tiền cọc 250 triệu đồng, chị Huyền đã chuyển trả vào tài khoản của Lê Kiều D 250 triệu đồng. Số tiền 500 triệu đồng đặt cọc mua nhà là do chị D và tôi(C) vay tại ông Thành, bà Hoài (Bố, mẹ tôi thế chấp nhà vay tại ngân hàng cho chúng tôi). Tại vụ án ly hôn giữa tôi (C) và chị D, thỏa thuận giải quyết số tiền nợ này chia đôi, tôi (C) đã trả cho ngân hàng 250 triệu đồng. Do vậy, số tiền 300 triệu vay của bà L, chị D sử dụng cho mục đích cá nhân thì phải có nghĩa vụ trả.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã chấp hành đúng pháp luật. Đối với bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả 300 triệu đồng đã vay; không chấp nhận yêu cầu của chị D chi đôi số tiền 300 triệu đồng để buộc anh C trả 150 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Bùi Thị Xuân L khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn chị Lê Kiều D có địa chỉ ĐKHKT và chỗ ở tại thôn P, xã H, huyện Đ, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đakrông đã tiến hành thực hiện đầy đủ các quy trình tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và tiến hành hòa giải 02 lần nhưng các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện Đakrông quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Việc cho nhau vay tiền, xuất phát từ mối quan hệ thân tộc gia đình, cháu dâu D gọi bà L bằng Gì ruột bên chồng, với mục đích giúp hai cháu có tiền mua nhà trong lúc đang cần, là trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức, không vi phạm điều cấm của pháp luật, các bên tham gia giao kết hợp đồng đều có đủ năng lực pháp luật dân sự. Ngày 24/12/2019 bà L cho chị Lê Kiều D vay 300 triệu đồng không lãi, được chị D viết giấy nhận tiền và hẹn ngày 20/9/2020 trả tiền vay cho bà L. Đến hạn, bà L yêu cầu trả tiền nhiều lần nhưng không được chị D thực hiện. Ngày 30/10/2020 bà L nộp đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Đakrông và tại phiên tòa, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị Lê Kiều D phải trả khoản tiền gốc đã vay 300 triệu đồng cho bà L và không yêu cầu tính lãi.

Tại các phiên hòa giải và trong đơn trình bày của chị D cho rằng số tiền 300 triệu đồng vay của bà L, là do hai vợ chồng D-C đến vay dùng vào việc trả tiền mua nhà của anh Lý Huy Thịnh và chị Nguyễn Thị Thu Huyền. Yêu cầu Tòa án chia đôi số nợ khoản tiền vay này để anh C trả 150 triệu đồng. Anh C không chấp nhận và cho rằng việc chị D vay khoản tiền 300 triệu của bà L không được biết, số tiền này chị D sử dụng vào mục đích cá nhân, không dùng vào việc đặt cọc tiền mua nhà, nên chị D phải có nghĩa vụ trả 300 triệu.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc vợ chồng D - C ký hợp đồng mua nhà anh Lý Huy Thịnh và chị Nguyễn Thị Thu Huyền tại khu dân cư Bắc Nguyễn Huệ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị và đã đặt tiền cọc 500 triệu, sau đó không thực hiện việc trả tiền mua nhà theo thỏa thuận, vi phạm hợp đồng đã bị anh Thịnh, chị Huyền phạt tiền cọc do vi phạm hợp đồng 250 triệu đồng và nhà đã bán cho người

khác. Còn lại 250 triệu đồng, ngày 02/3/2020 chị Huyền đã nộp vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín- chi nhánh Quảng Trị trả cho chị D theo số tài khoản 040080919222 có tên bà Lê Kiều D.

Đối với số tiền 500 triệu đồng tiền đặt cọc mua nhà, nguồn gốc số tiền này có được là do ông Trịnh Văn T và bà Bùi Thị H, bố, mẹ của anh C bảo lãnh thế chấp nhà-đất để cho chị D và anh C vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín- chi nhánh Quảng Trị- PGD Hướng Hóa, thông qua hợp đồng tín dụng vay tiền số LD1936500211 ký ngày 31/12/2019 và được cấp tín dụng 500 triệu đồng, chị D- anh C dùng tiền này đặt cọc tiền mua nhà-đất của anh Thịnh, chị Huyền. Kỳ hạn trả nợ gốc khoản vay này là 31/12/2020 ông T đã trả thay cho anh C 251.300.000đ (trong đó tiền gốc 250 triệu, lãi 1,3 triệu). Như vậy có căn cứ xác định số tiền 300 triệu đồng chị D vay của bà L không dùng vào việc đặt cọc hoặc trả tiền mua nhà-đất anh Thịnh, chị Huyền mà sử dụng riêng cho cá nhân, nên nghĩa vụ trả khoảng tiền 300 triệu đồng vay của bà L thuộc trách nhiệm của chị D.

Căn cứ quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Lê Kiều D có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền gốc 300 triệu đã vay.

[4] Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Lê Kiều D phải trả cho bà Bùi Thị Xuân L số tiền gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

2. Về án phí: Chị Lê Kiều D phải chịu 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu) tiền án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ số tiền phải trả được Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị Xuân L 7.500.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000781 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đakrông ngày 30/10/2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, mà bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo phần bản án liên quan quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án, lên Tòa án trên một cấp để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Đakrông;
- Các đương sự
- Chi cục THADS huyện Đakrông
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Vĩnh My